



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 1 tháng 4 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 1 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Phạm Duy Hạnh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Thành viên
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Thân Đức Việt	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2019)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/3/2019)
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Kim	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/5/2019)
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Giám đốc điều hành
	Bà Phạm Bích Hồng	Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Thế Nhu	Giám đốc điều hành	

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 22-08-2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00185-1*2-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 22-08-2019

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.197.809.222.330	1.100.369.335.700
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	34.152.748.528	63.355.834.265
Tiền	111		34.152.748.528	61.655.834.265
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		438.903.240.024	420.109.320.447
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	387.209.916.912	368.346.095.038
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.222.435.487	22.402.207.911
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	35.104.573.660	31.994.703.533
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.633.686.035)	(2.633.686.035)
Hàng tồn kho	140	12	694.536.507.879	588.455.785.192
Hàng tồn kho	141		697.762.957.495	591.682.234.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.226.449.616)	(3.226.449.616)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.216.725.899	28.448.395.796
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.834.409.487	1.390.248.517
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.928.665.412	26.604.496.279
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		453.651.000	453.651.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		440.379.194.284	468.199.621.789
Các khoản phải thu dài hạn	210		27.221.317.178	44.928.848.451
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	9	-	2.067.434.949
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	9.702.887.534
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	27.221.317.178	33.158.525.968
Tài sản cố định	220		335.589.353.480	364.303.307.517
Tài sản cố định hữu hình	221	13	330.160.310.568	357.881.819.155
<i>Nguyên giá</i>	222		1.255.160.163.669	1.231.215.539.150
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(924.999.853.101)	(873.333.719.995)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	132.600.000	179.400.000
<i>Nguyên giá</i>	225		280.800.000	280.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(148.200.000)	(101.400.000)
Tài sản cố định vô hình	227	15	5.296.442.912	6.242.088.362
<i>Nguyên giá</i>	228		10.930.099.483	10.780.099.483
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.633.656.571)	(4.538.011.121)
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.435.592.596	29.095.295.903
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	45.435.592.596	29.095.295.903
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.097.321.861	1.097.321.861
Đầu tư vào công ty con	251	17	1.097.321.861	1.097.321.861
Tài sản dài hạn khác	260		31.035.609.169	28.774.848.057
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	31.035.609.169	28.774.848.057
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.638.188.416.614	1.568.568.957.489

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.282.701.601.949	1.194.648.442.944
Nợ ngắn hạn	310		1.085.579.970.552	955.885.492.034
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	386.837.730.125	346.379.315.340
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	36.340.144.100	34.522.677.818
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	6.804.294.219	5.263.806.286
Phải trả người lao động	314		103.274.470.147	168.690.233.381
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		47.765.944	43.160.701
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	8.107.600.546	1.641.980.411
Vay ngắn hạn	320	23(a)	526.545.728.389	394.680.902.914
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	17.622.237.082	4.663.415.183
Nợ dài hạn	330		197.121.631.397	238.762.950.910
Phải trả người bán dài hạn	331	19	-	208.571.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	20	47.067.075.001	59.664.776.096
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	10.912.510.000	10.812.510.000
Vay dài hạn	338	23(b)	131.191.431.699	159.377.976.285
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		7.950.614.697	8.699.117.529
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		355.486.814.665	373.920.514.545
Vốn chủ sở hữu	410	25	355.486.814.665	373.920.514.545
Vốn cổ phần	411	26	302.400.000.000	302.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		302.400.000.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	19.819.819.147	14.316.819.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.269.435.518	57.206.135.398
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ/năm trước	421a		558.135.398	2.177.594.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.711.300.120	55.028.541.129
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.638.188.416.614	1.568.568.957.489

Người lập: 22-08-2019



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.538.127.079.768	1.258.820.870.382
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	39.182.912	245.234.605
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	1.538.087.896.856	1.258.575.635.777
Giá vốn hàng bán	11	31	1.296.975.167.560	1.054.849.438.826
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		241.112.729.296	203.726.196.951
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	9.619.594.749	7.118.763.344
Chi phí tài chính	22	33	22.148.015.182	14.476.765.956
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.528.820.280	7.897.315.364
Chi phí bán hàng	25	34	87.266.292.337	74.650.786.856
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	103.945.955.535	93.294.422.753
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		37.372.060.991	28.422.984.730
Thu nhập khác	31	36	1.427.056.173	1.510.255.927
Chi phí khác	32		1.445.699	743.655.157
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.425.610.474	766.600.770
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.797.671.465	29.189.585.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	6.086.371.345	4.143.839.785
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		32.711.300.120	25.045.745.715

Người lập: 22 -08- 2019



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Thần Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		38.797.671.465	29.189.585.500
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		61.912.130.349	72.905.187.754
Các khoản dự phòng	03		-	(1.105.149.956)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.983.937.644	3.743.170.605
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.456.557.138)	(606.275.855)
Chi phí lãi vay	06		12.528.820.280	7.897.315.364
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		113.766.002.600	112.023.833.412
Biến động các khoản phải thu	09		(11.931.404.875)	18.726.902.135
Biến động hàng tồn kho	10		(106.080.722.687)	(175.762.946.637)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(19.632.719.223)	28.676.677.319
Biến động chi phí trả trước	12		(2.906.929.103)	1.072.238.080
			(26.785.773.288)	(15.263.295.691)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.528.820.280)	(8.017.217.067)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.898.448.591)	(3.508.430.545)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		278.340.000	481.261.877
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.176.518.101)	(9.011.130.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.111.220.260)	(35.318.811.988)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(59.838.776.064)	(98.814.983.260)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.339.445.455	152.350.909
Tiền thu lãi tiền gửi	27		319.931.679	453.924.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.179.398.930)	(98.208.707.405)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		728.904.629.483	548.288.680.246
Tiền trả nợ gốc vay	34		(616.533.328.431)	(506.183.000.627)
Tiền trả cổ tức	36		(36.246.611.950)	(33.980.758.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		76.124.689.102	8.124.920.735
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(29.165.930.088)	(125.402.598.658)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	63.355.834.265	148.153.352.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(37.155.649)	20.221.663
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	34.152.748.528	22.770.975.682

Người lập: 22-08-2019



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thần Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 1 công ty con (1/1/2019: 1 công ty con) được trình bày tại Thuyết minh 17.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 7.283 nhân viên (1/1/2019: 7.424 nhân viên).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyên. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyên	3 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 – 5 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Giá mua tài sản cố định vô hình khác là chi phí làm phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 và chi phí xây dựng website May 10 được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các cửa hàng, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng trong vòng 18 tháng đến 48 tháng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty con của Tổng Công ty, Tập đoàn Dệt may Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Tổng Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.823.313.864	4.942.528.752
Tiền gửi ngân hàng	30.329.434.664	56.713.305.513
Các khoản tương đương tiền	-	1.700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	34.152.748.528	63.355.834.265
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Oktava Hong Kong Limited	26.885.632.758	34.047.394.721
Lever Shirt Limited	59.901.330.293	48.419.295.000
Brandtex A/C	30.058.181.135	18.957.091.352
Các khách hàng khác	270.364.772.726	268.989.748.914
	387.209.916.912	370.413.529.987

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	387.209.916.912	368.346.095.038
Dài hạn	-	2.067.434.949
	387.209.916.912	370.413.529.987

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đổng	-	580.592.206
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thiệu Đô	10.465.549.547	9.699.707.237
	10.465.549.547	10.280.299.443

Khoản phải thu từ công ty con và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô (công ty liên quan) từ tiền khách hàng ứng trước (*)	18.144.702.116	20.810.502.994
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (**)	9.461.317.663	5.957.521.006
Tạm ứng cho nhân viên	4.657.054.446	3.032.575.000
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất	122.516.400	395.437.800
Phải thu ngắn hạn khác	2.718.983.035	1.798.666.733
	35.104.573.660	31.994.703.533

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô (công ty liên quan) từ tiền khách hàng ứng trước (*)	14.054.150.000	16.810.530.000
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (**)	11.324.625.000	14.761.312.500
Đặt cọc dài hạn	1.739.486.570	1.481.065.860
Phải thu dài hạn khác	103.055.608	105.617.608
	27.221.317.178	33.158.525.968

(*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền phí gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào giá gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

(**) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền phí gia công cho Công ty TNHH H.N.P thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH H.N.P. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào giá gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH H.N.P.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2019			1/1/2019				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-
Huệ Nguyễn Glee Co					6 tháng –			
Công ty TNHH Việt Thắng Jean	Trên 1 năm	1.887.503.620	(566.251.086)	1.321.252.534	1 năm	1.887.503.620	(566.251.086)	1.321.252.534
		3.954.938.569	(2.633.686.035)	1.321.252.534		3.954.938.569	(2.633.686.035)	1.321.252.534

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi
 – ngắn hạn

(2.633.686.035)


(2.633.686.035)

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	49.584.768.438	-	45.924.403.137	-
Nguyên vật liệu	404.616.083.574	-	311.034.301.527	-
Công cụ và dụng cụ	1.025.279.524	-	1.643.550.725	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.448.766.971	-	26.164.723.772	-
Thành phẩm	126.214.503.779	(3.226.449.616)	141.711.737.599	(3.226.449.616)
Hàng hóa	26.344.330.228	-	32.443.168.604	-
Hàng gửi đi bán	32.529.224.981	-	32.760.349.444	-
	<u>697.762.957.495</u>	<u>(3.226.449.616)</u>	<u>591.682.234.808</u>	<u>(3.226.449.616)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 7.564 triệu VND thành phẩm (1/1/2019: 7.564 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. 

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	310.245.039.854	770.247.642.730	49.317.957.227	101.404.899.339	1.231.215.539.150
Tăng trong kỳ	415.292.123	17.727.787.799	2.924.449.090	8.344.443.152	29.411.972.164
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	1.092.967.182	-	-	3.494.559.794	4.587.526.976
Thanh lý	-	(5.119.352.180)	(4.122.320.000)	(813.202.441)	(10.054.874.621)
Số dư cuối kỳ	311.753.299.159	782.856.078.349	48.120.086.317	112.430.699.844	1.255.160.163.669
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	191.570.092.981	577.951.065.576	38.469.088.874	65.343.472.564	873.333.719.995
Khấu hao trong kỳ	9.320.227.614	42.892.735.279	2.687.780.869	6.617.443.969	61.518.187.731
Thanh lý	-	(5.119.352.180)	(4.122.320.000)	(610.382.445)	(9.852.054.625)
Số dư cuối kỳ	200.890.320.595	615.724.448.675	37.034.549.743	71.350.534.088	924.999.853.101
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	118.674.946.873	192.296.577.154	10.848.868.353	36.061.426.775	357.881.819.155
Số dư cuối kỳ	110.862.978.564	167.131.629.674	11.085.536.574	41.080.165.756	330.160.310.568

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 681.054 triệu VND (1/1/2019: 618.259 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 128.256 triệu VND (1/1/2019: 40.834 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 23(b)).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	280.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	101.400.000
Khấu hao trong kỳ	46.800.000
Số dư cuối kỳ	148.200.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	179.400.000
Số dư cuối kỳ	132.600.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	6.622.101.835	199.997.648	3.958.000.000	10.780.099.483
Tăng trong kỳ	150.000.000	-	-	150.000.000
Số dư cuối kỳ	6.772.101.835	199.997.648	3.958.000.000	10.930.099.483
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.010.820.870	199.997.648	2.327.192.603	4.538.011.121
Khấu hao trong kỳ	640.978.782	-	454.666.668	1.095.645.450
Số dư cuối kỳ	2.651.799.652	199.997.648	2.781.859.271	5.633.656.571
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	4.611.280.965	-	1.630.807.397	6.242.088.362
Số dư cuối kỳ	4.120.302.183	-	1.176.140.729	5.296.442.912

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.312 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 2.312 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	29.095.295.903	6.387.971.110
Tăng trong kỳ	21.725.816.648	54.274.433.045
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(4.587.526.976)	(1.298.408.479)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 18)	(797.992.979)	(25.464.054)
Số dư cuối kỳ	45.435.592.596	59.338.531.622

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm	4.207.688.182	-
Dự án cải tạo Trung tâm Công nghệ cao Vạn Thành	23.583.362.639	23.508.683.548
Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn	14.330.197.316	4.770.118.000
Dự án sửa chữa cải tạo phòng cơ điện	378.359.971	63.910.000
Công trình trung tâm phân phối điện và khí nén	-	752.584.355
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.935.984.488	-
	45.435.592.596	29.095.295.903

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Đầu tư vào công ty con

		30/6/2019 và 1/1/2019	
Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	Giá gốc VND	
Công ty TNHH May Phù Đồng	Hà Nội, Việt Nam	60,97%	1.097.321.861

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	7.130.155.405	643.119.978	21.001.572.674	28.774.848.057
Tăng trong kỳ	6.505.817.888	-	6.154.960.506	12.660.778.394
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	-	797.992.979	797.992.979
Phân bổ trong kỳ	(4.216.592.257)	(559.786.668)	(6.421.631.336)	(11.198.010.261)
Số dư cuối kỳ	9.419.381.036	83.333.310	21.532.894.823	31.035.609.169

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn


	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Levertex Limited	138.859.251.820	101.382.720.362
Công ty TNHH G.M.I	9.281.004.700	12.324.912.800
Các nhà cung cấp khác	238.697.473.605	232.880.253.178
	<hr/>	<hr/>
	386.837.730.125	346.587.886.340
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	386.837.730.125	346.379.315.340
Dài hạn	-	208.571.000
	<hr/>	<hr/>
	386.837.730.125	346.587.886.340
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng	3.010.504.293	5.045.150.588
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thiệu Đô	4.558.928.274	8.265.305.941
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	6.449.187	-
	<hr/>	<hr/>
	7.575.881.754	13.310.456.529
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. 

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Người mua trả tiền trước

(a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Dewhirst Group Ltd	26.599.965.106	32.218.696.004
Golden Textile Industry Limited	18.199.500.000	18.199.500.000
Jensmart International Limited	17.738.159.547	20.598.457.784
Các khách hàng khác	20.869.594.448	23.170.800.126
	83.407.219.101	94.187.453.914
	83.407.219.101	94.187.453.914

(b) Người mua trả tiền trước chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	36.340.144.100	34.522.677.818
Dài hạn	47.067.075.001	59.664.776.096
	83.407.219.101	94.187.453.914
	83.407.219.101	94.187.453.914

(c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	6.166.380.927	-
	6.166.380.927	-
	6.166.380.927	-

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.147.074.892	8.662.174.724	(7.958.143.144)	1.851.106.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.986.795.851	6.086.371.345	(5.898.448.591)	3.174.718.605
Thuế thu nhập cá nhân	607.570.085	5.149.841.121	(4.246.428.828)	1.510.982.378
Thuế nhà thầu	415.064.480	517.041.814	(789.679.092)	142.427.202
Thuế xuất nhập khẩu	107.300.978	379.846.770	(362.088.186)	125.059.562
Thuế đất	-	4.606.305.301	(4.606.305.301)	-
Các loại thuế khác	-	85.916.028	(85.916.028)	-
	5.263.806.286	25.487.497.103	(23.947.009.170)	6.804.294.219

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí công đoàn	2.948.147.725	520.899.741
Cổ tức phải trả	321.163.793	279.775.743
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.838.289.028	841.304.927
	8.107.600.546	1.641.980.411

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Đặt cọc dài hạn	840.000.000	812.510.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	72.510.000	-
	10.912.510.000	10.812.510.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2019
	Giá trị ghi số VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND		
Vay ngắn hạn	332.086.554.463	725.412.489.484	(582.999.734.931)	1.133.019.373	475.632.328.389	
Vay dài hạn đến hạn trả	62.594.348.451	26.226.700.000	(37.976.238.451)	68.590.000	50.913.400.000	
	394.680.902.914	751.639.189.484	(620.975.973.382)	1.201.609.373	526.545.728.389	

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2019	1/1/2019
		VND	VND
Khoản vay ngân hàng	USD	475.632.328.389	332.086.554.463

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình	VND	2018 - 2020	-	9.702.887.543
Khoản vay ngân hàng	VND	2015 - 2022	63.138.400.000	80.121.000.000
Khoản vay ngân hàng	USD	2015 - 2022	116.938.431.699	130.641.437.193
Vay cá nhân	VND	2018 - 2022	2.028.000.000	1.507.000.000
			182.104.831.699	221.972.324.736
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(50.913.400.000)	(62.594.348.451)
			131.191.431.699	159.377.976.285

Các khoản vay ngân hàng có lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo có giá trị còn lại là 128.256 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 40.834 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Khoản vay cá nhân không có bảo đảm.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	4.663.415.183	2.498.688.769
Trích lập trong kỳ	14.857.000.000	15.516.000.000
Tặng khác	278.340.000	481.261.877
Sử dụng trong kỳ	(2.176.518.101)	(8.376.130.562)
	17.622.237.082	10.119.820.084

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	189.000.000.000	46.268.000.000	-	76.276.819.147	56.885.594.269	368.430.413.416
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	25.045.745.715	25.045.745.715
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.172.000.000	(5.172.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.516.000.000)	(15.516.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(34.020.000.000)	(34.020.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	189.000.000.000	46.268.000.000	-	81.448.819.147	27.223.339.984	343.940.159.131
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	302.400.000.000	-	(2.440.000)	14.316.819.147	57.206.135.398	373.920.514.545
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	32.711.300.120	32.711.300.120
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.503.000.000	(5.503.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.857.000.000)	(14.857.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(36.288.000.000)	(36.288.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	302.400.000.000	-	(2.440.000)	19.819.819.147	33.269.435.518	355.486.814.665

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.240.000	302.400.000.000	30.240.000	302.400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.240.000	302.400.000.000	30.240.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.239.756	302.397.560.000	30.239.756	302.397.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Số cổ phiếu	30/6/2019 VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	33,82%
Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Huyền	1.733.600	17.336.000.000	5,73%
Các cổ đông khác	18.279.002	182.790.020.000	60,45%
	30.240.000	302.400.000.000	100%

27. Cổ tức

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2018 với số tiền là 36.288 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 34.020 triệu VND).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2019, Tổng Công ty đã trích lập 5.503 triệu VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2018 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 5.172 triệu VND) vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.000.782	23.248.702.895	1.453.075	33.646.468.647
Euro (“EUR”)	-	-	2	43.170
		<u>23.248.702.895</u>		<u>33.646.511.817</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	72.261.946.086	97.331.543.177
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	26.953.054.931	-
	<u>99.215.001.017</u>	<u>97.331.543.177</u>

Handwritten signature

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.984.800.630	7.886.902.830
Trong vòng hai đến năm năm	31.939.202.520	31.547.611.320
Sau năm năm	102.081.538.208	102.001.467.923
	142.005.541.358	141.435.982.073

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.212.919.251.986	927.607.037.979
▪ Cung cấp dịch vụ	15.513.507.911	15.656.610.743
▪ Gia công	309.694.319.871	315.557.221.660
	1.538.127.079.768	1.258.820.870.382
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(39.182.912)	(245.234.605)
Doanh thu thuần	1.538.087.896.856	1.258.575.635.777

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Bán hàng	1.055.338.788.732	805.270.407.798
Cung cấp dịch vụ	1.795.705.825	6.638.037.099
Gia công	239.840.673.003	244.046.143.885
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.105.149.956)
	1.296.975.167.560	1.054.849.438.826

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	319.931.679	453.924.946
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.299.662.891	6.500.698.116
Doanh thu hoạt động tài chính khác	179	164.140.282
	9.619.594.749	7.118.763.344

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.528.820.280	7.897.315.364
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.634.052.975	2.831.395.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.983.937.644	3.743.170.605
Chi phí tài chính khác	1.204.283	4.884.020
	22.148.015.182	14.476.765.956

nh

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.551.434.302	11.341.562.791
Chi phí quảng cáo	1.975.988.295	2.447.584.593
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	17.302.003.170	17.158.546.303
Chi phí xuất khẩu	15.226.727.731	12.112.160.660
Chi phí thuê cửa hàng	7.748.331.249	7.868.332.249
Chi phí bán hàng khác	29.461.807.590	23.722.600.260
	<hr/>	<hr/>
	87.266.292.337	74.650.786.856

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	51.952.447.518	45.448.840.091
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.800.017.126	12.514.559.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.040.221.023	7.743.512.124
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	27.153.269.868	27.587.511.184
	<hr/>	<hr/>
	103.945.955.535	93.294.422.753

36. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.136.625.459	152.350.909
Thu nhập khác	290.430.714	1.357.905.018
	<hr/>	<hr/>
	1.427.056.173	1.510.255.927

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	646.338.753.425	586.962.248.714
Chi phí nhân viên	389.827.534.335	364.085.985.409
Chi phí khấu hao và phân bổ	61.912.130.349	72.905.187.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.839.115.305	160.135.969.646
Chi phí khác	161.825.566.934	109.904.793.153

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.086.371.345	4.143.839.785

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.797.671.465	29.189.585.500
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.570.917.148	1.014.174.675
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	41.368.588.613	30.203.760.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất của Tổng Công ty	8.273.717.723	6.040.752.035
Chi phí cho lao động nữ	(2.187.346.378)	(1.896.912.250)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.086.371.345	4.143.839.785

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.390.328.954	12.728.693.142
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.267.630.795	2.932.874.902
Công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	12.272.877.600	11.505.823.200
Bán hàng hóa	3.693.948.320	6.372.641.121
Mua dịch vụ	92.885.422	90.000.000
Công ty TNHH Thiệu Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.388.643.622	30.096.631.008
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.704.399.143	12.075.646.483
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	6.459.611.875	6.197.368.105

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Bù trừ khoản phải thu về cho vay dài hạn vào khoản vay ngắn hạn	6.468.591.695	-
Bù trừ khoản phải thu về cho vay dài hạn vào khoản vay dài hạn	3.234.295.839	-

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Người lập: 22-08-2019



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thần Đức Việt
Tổng Giám đốc

